

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để xác định đơn giá thuê đất,
đơn giá thuê đất đối với mặt nước**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3114/TTr-STC ngày 13 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ % giá đất để tính đơn giá thuê đất phi nông nghiệp.

a) Quận Ninh Kiều:

- Ngành thương mại dịch vụ: 2%.

- Ngành sản xuất, khác: 1,8%.

b) Quận Cái Răng, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt:

- Ngành thương mại dịch vụ: 1,8%.

- Ngành sản xuất, khác: 1,6%.

c) Huyện Phong Điền:

- Ngành thương mại dịch vụ: 1,6%.

- Ngành sản xuất, khác: 1,5%.

d) Huyện Cờ Đỏ, huyện Thới Lai, huyện Vĩnh Thạnh:

- Ngành thương mại dịch vụ: 1,5%.

- Ngành sản xuất, khác: 1,4%.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá cho thuê đất khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, khu công nghiệp tập trung: 0,5%.

3. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá cho thuê đối với đất thuê sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp: 0,5%.

4. Một số trường hợp thuê đất được xác định đơn giá thuê ngoài các Khoản 1, 2, 3 thì áp dụng tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất theo mục đích sử dụng như sau:

a) Xây dựng chợ để cho thuê lại:

- Trên địa bàn quận: 1%.

- Trên địa bàn huyện: 0,75%.

b) Xây dựng phục vụ lĩnh vực may mặc, thủ công mỹ nghệ ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp: 1%.

c) Xây dựng bãi đậu xe, vườn ươm cây xanh: 1%.

Điều 2. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm:

1. Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định Luật Đất đai, tiền thuê đất được xác định như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

2. Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 3. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai:

Đối với phần diện tích đất có mặt nước thì đơn giá thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê như sau:

1. Đất nuôi trồng thủy sản: 0,75%.

2. Bến tàu, ghe, cầu cảng, bến bãi neo đậu: 1%.

3. Khai thác cát: 1,5%.

Điều 4. Đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước đối với các trường hợp đặc biệt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định từng trường hợp cụ thể.

Đối với các trường hợp thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Những nội dung khác liên quan đến việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 5.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 12 năm 2014 và đăng Báo Cần Thơ chậm nhất là ngày 08 tháng 12 năm 2014; thay thế Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm

2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ và Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Các trường hợp phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 áp dụng đơn giá thuê đất, xử lý một số nội dung chuyển tiếp và xử lý một số vấn đề cụ thể theo Điều 15, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Lê Hùng Dũng